

BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Cao Minh)

TT	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch thực hiện theo từng năm					Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	Chỉ tiêu về kinh tế								
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân	%/năm	≥10	≥10	≥10	≥10	≥10	≥10	
2	Cơ cấu nền kinh tế								
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	70	87	83	79	75	70	
-	Công nghiệp, xây dựng	%	10	3	4	6	8	10	
-	Dịch vụ	%	20	10	12	14	17	20	
3	Thu nhập bình quân đầu người so với năm trước tăng	%/năm	10	10	10	10	10	10	
4	Tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt bình quân	%/năm	>10	>10	10	>10	>10	>10	
5	Chuyên đổi diện tích canh tác lúa, ngô kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế	ha	50	10	10	10	10	10	
6	Phát triển diện tích cây trồng có giá trị kinh tế	ha	>180	35	35	40	40	35	
7	Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực của địa phương đạt	mô hình	>2			1	1	1	
8	Diện tích rừng trồng	ha	>200	40	40	40	40	40	
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	>58	51	53	55	57	58	
10	Tổng đàn vật nuôi (Cả xuất bán và giết mổ):								
-	Tổng đàn đại gia súc (trâu, bò, ngựa):	Con	7.800	5.320	5.940	6.560	7.180	7.800	
-	Đàn lợn:	Con	20.000	13.120	14.840	16.560	18.280	20.000	
-	Tổng đàn Dê	Con	2.500	1.350	1.650	1.950	2.250	2.500	
11	Tiêm phòng đàn gia súc trong diện tiêm hằng năm	%	>80	80	80	80	80	80	
12	Đẩy nhanh các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và phân đầu hoàn thành thêm tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Tiêu chí	19	11	13	15	17	19	
-	Trong đó: Số tiêu chí hoàn thành thêm	Tiêu chí		3	2	2	2	2	
13	Số thôn đạt thôn nông thôn mới	thôn	3		1	1	1		
14	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh bằng hình thức đốt và chôn lấp	%	>80	>80	>80	>80	>80	>80	
15	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98	98	98	98	98	98	

TT	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2026-	Kế hoạch thực hiện theo từng năm					Ghi chú
				1	2	3	4	5	
16	Số sản phẩm OCOP	sản phẩm	>2	1			1	1	
17	Duy trì HTX	HTX	4	4	5	6	8	9	
-	Thành lập mới HTX	HTX	≥6	≥1	≥1	≥2	≥1	≥1	
II	Chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội								
18	Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học		Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	
19	Tỷ lệ phổ cập giáo dục trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	100				Đạt	Đạt	
20	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	66,6	33,3	33,3	33,3	55,5	66,6	
-	Số trường học đạt chuẩn Quốc gia	Trường	6	3	3	3	5	6	
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin hằng năm	%	>98	>98	>98	>98	>98	>98	
22	Giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	<15	15	15	15	15	14,5	
23	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	>98	>98	>98	>98	>98	100	
24	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>35	29	30,5	32	33,5	35,2	
25	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	không còn hộ nghèo	≥8	≥8	≥8,5	≥8,5	≥9,04	
26	Duy trì số lao động được giải quyết việc làm	lao động	400	400	400	400	400	400	
27	Số người lao động được giải quyết việc làm mới	người	150	150	150	150	150	150	
28	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa:								
-	<i>Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"</i>	%	90	89	89	89,5	90	90	
-	<i>Tỷ lệ khu dân cư được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa"</i>	%	90	90	90	90	90	90	
29	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	>90	85	86	88	89	91	
30	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến	%	>90	85	86	88	89	91	
31	Tỷ lệ hồ sơ công việc của toàn xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	100	100	100	100	100	
32	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng số cơ bản (sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo mật cá nhân...)	%	≥80	45	50	60	70	80	
III	Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh, xây dựng chính quyền								

TT	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2026-	Kế hoạch thực hiện theo từng năm					Ghi chú
33	Tỷ lệ tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, động viên quân nhân dự bị hằng năm	%	100	100	100	100	100	100	
34	Huấn luyện dân quân hằng năm xếp loại	xếp loại	>Khá	>Khá	>Khá	>Khá	>Khá	>Khá	
35	Tỷ lệ các vụ việc, vụ án xảy ra trên địa bàn đều được tiếp nhận và tham mưu giải quyết đúng quy định của pháp luật hằng năm	%	100	100	100	100	100	100	